



ĐK-103

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AoV**  
**AOV QUALITY ASSURANCE JOINT STOCK COMPANY**

**GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ**  
**CERTIFICATE OF MAINTENANCE**

Ngày/ Date:

Số/ N<sup>o</sup>: **A1081208413**

Trang/ Page: 1/3

1. Phương tiện đo/ Object: **CÂN PHÂN TÍCH/ ANALYTICAL BALANCE**2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **RADWAG**3. Kiểu/ Model: **XA 6/21.4Y.M.A.P PLUS**4. Số hiệu/ SN: **694270**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

Max = **21 g**;d = **0,000001 g**CCX/ Class: = **I**Min = **0,0001 g**e = **0,0001 g**Số nhận dạng/ ID: **413**6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AoV**7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**10. Phương pháp bảo trì/ - Maintenance method: **A10-74 - Hướng dẫn bảo trì Cân/ Cân sấy ẩm**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

Chuẩn/ Standards	Mã nhận dạng/ ID	Liên kết chuẩn/ Traceable to	Hiệu lực đến/ Due date
Nhiệt ẩm kế IOT / IOT Thermohygrometer	TB-545	AoV	08/2025
Bộ quả cân chuẩn E2	TB-89	VMI	03/2027

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[23,4 ÷ 23,6] °C**Độ ẩm/ Humidity: **[61,7 ÷ 61,8] %RH**13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **22/04/2025**14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/  
Remaintenance date as request of customer: **22/04/2026**15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A413**

**A O V**

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.  
*The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.*
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.*
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.  
*Name of customer is written as customer's request.*



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ  
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N<sup>o</sup>: A1081208413

Trang/ Page: 2/3



KẾT QUẢ BẢO TRÌ/  
RESULTS OF MAINTENANCE

**16. Nội dung bảo trì/ Content maintenance**

**16.1. Kiểm tra bên ngoài/ Check outside**

◇ Thông tin thiết bị/ Equipment information

Đầy đủ, rõ ràng/ fully, clearly

Không có, không rõ ràng/ Not available, not clear

**16.2. Kiểm tra kỹ thuật/ Technical inspection**

◇ Hoạt động của thiết bị, hệ thống phím bấm, Adraptor nguồn, hiển thị, ...

Bình thường

Không bình thường

◇ Kiểm tra quả CAL nội

Có, mức cal

**16.3. Thực hiện bảo trì/ Contents maintenance**

◇ Vệ sinh thân thiết bị (lồng và các mặt kính)/ Clean the outside of the device (cage and glass surfaces)

◇ Vệ sinh và bôi trơn các bánh răng, nhông trượt, rãnh trượt ở các mặt kính/ Cleaning and lubricating gears, salamander slip, slides on the glass surfaces

◇ Vệ sinh đĩa cân, trục, giá đỡ đĩa cân/ Clean the weighting pan, shaft, weight disc bracket

◇ Vệ sinh hốc đặt trục cân/ Clean the cavity on the scale shaft

◇ Vệ sinh bo mạch điều khiển và loadcell/ Clean the control board and loadcell

◇ Vệ sinh hệ thống bảo vệ quá tải/ Clean overload protection system

◇ Kiểm tra, vệ sinh các cổng kết nối tới các thiết bị ngoại vi, nguồn .../ Check and clean the ports connecting to peripherals and sources

**16.4. Kiểm tra độ đúng và lặp lại/ Test of trueness and precision**

Mức tải/ Load, g	Chỉ thị/ Indication, g	Sai số/ Error, g	U <sup>(1)</sup> / Uncertainty, g
0,001001	0,001001	+0,000000	0,000006
0,005003	0,005002	-0,000001	0,000006
0,010001	0,010001	+0,000000	0,000006
0,050002	0,050002	+0,000000	0,000012
0,100012	0,100009	-0,000003	0,000012
0,200009	0,200007	-0,000002	0,000024
0,500006	0,500005	-0,000001	0,000024
1,000011	1,000009	-0,000002	0,000024
1,999968	1,999971	+0,000003	0,000025
5,000021	5,000019	-0,000002	0,000051

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.  
*The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.*
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.*
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.  
*Name of customer is written as customer's request.*



ĐK-103

**GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ**  
**CERTIFICATE OF MAINTENANCE**

Ngày/ Date:

Số/ N<sup>o</sup>: **A1081208413**

Trang/ Page: 3/3

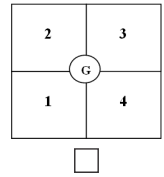
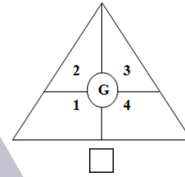
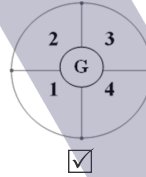


9,999977	9,999979	+0,000002	0,000051
20,000012	20,000009	-0,000003	0,000051

**16.5. Kiểm tra trọng tải lệch tâm sau bảo trì/ Eccentric load check  $\approx 1/3$  Max**

Vị trí đặt/ Positions	Chỉ thị/ Indication, g	Sai số Error, g
G	9,999980	+0,000003
1	9,999979	+0,000002
2	9,999979	+0,000002
3	9,999980	+0,000003
4	9,999981	+0,000004

Giá trị chuẩn: 9,999977g



Vị trí đặt quả trên đĩa cân/  
Positions of weights

**16.6. Kết luận sau bảo trì/ Concluded after maintenance**

◇ Thiết bị hoạt động bình thường/Normal equipment operation.

--- Hết/ End ---

**A O V**

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.  
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.  
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.  
Name of customer is written as customer's request.